

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh
Nhà Khang Điền**

Các Báo cáo tài chính riêng Quý 3 năm 2011

Kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	
Bảng cân đối kế toán riêng	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	4 - 5
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	6 - 26

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG QUÝ 3
ngày 30 tháng 9 năm 2011


VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 09 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		519.752.547.162	386.369.091.239
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	21.067.421.722	43.195.978.010
111	1. Tiền		7.867.421.722	5.190.978.010
112	2. Các khoản tương đương tiền		13.200.000.000	38.005.000.000
120	II. Các khoản đầu tư ngắn hạn		-	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		291.599.907.162	150.051.071.803
131	1. Phải thu khách hàng		27.864.685.754	57.808.605.031
132	2. Trả trước cho người bán		4.128.393.495	2.481.474.243
138	3. Các khoản phải thu khác	5	259.606.827.913	89.760.992.529
140	IV. Hàng tồn kho	6	181.257.647.321	168.152.793.505
141	1. Hàng tồn kho		181.257.647.321	168.152.793.505
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		25.827.570.957	24.969.247.921
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		735.914.571	782.858.035
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		25.091.656.386	24.186.389.886
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.342.767.268.072	1.245.993.784.792
220	I. Tài sản cố định		5.270.129.052	7.314.392.841
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	5.232.702.379	7.255.966.171
222	Nguyên giá		8.422.135.668	10.374.032.441
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.189.433.289)	(3.118.066.270)
227	2. Tài sản cố định vô hình	7	37.426.673	58.426.670
228	Nguyên giá		84.000.000	84.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(46.573.327)	(25.573.330)
250	II. Các khoản đầu tư dài hạn		1.333.718.936.000	1.235.894.754.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	8.1	1.224.318.936.000	1.078.399.936.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	8.2	109.400.000.000	109.400.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	8.3	-	48.094.818.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		3.778.203.020	2.784.637.951
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		3.348.820.832	2.355.255.763
268	2. Tài sản dài hạn khác		429.382.188	429.382.188
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.862.519.815.234	1.632.362.876.031


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG QUÝ 3 (tiếp theo)
ngày 30 tháng 09 năm 2011

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		750.615.426.173	539.156.292.684
310	I. Nợ ngắn hạn		458.065.547.377	392.307.415.995
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	41.692.000.000	112.875.000.000
312	2. Phải trả người bán	9	3.263.481.871	2.500.678.321
313	3. Người mua trả tiền trước		46.415.549.085	33.250.626.889
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	31.794.215.794	31.303.323.840
315	5. Phải trả người lao động		864.235.956	-
316	6. Chi phí phải trả	11	3.610.825.380	2.604.169.435
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	12	320.491.505.577	205.656.318.745
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9.933.733.714	4.117.298.765
330	II. Nợ dài hạn		292.549.878.796	146.848.876.689
333	1. Phải trả dài hạn khác		-	700.000.000
334	2. Vay và nợ dài hạn	13	241.100.000.000	94.100.000.000
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	19.2	51.354.184.507	51.569.027.236
336	4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		95.694.289	479.849.453
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	14.1	1.111.904.389.061	1.093.206.583.347
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.111.904.389.061	1.093.206.583.347
411	1. Vốn cổ phần đã góp	14.1	439.000.000.000	439.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	14.2	498.373.400.000	498.373.400.000
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		22.049.064.900	4.579.064.900
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		11.024.532.450	2.289.532.450
420	5. Lợi nhuận chưa phân phối	14.1	141.457.391.711	148.964.585.997
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.862.519.815.234	1.632.362.876.031


Bà Ngô Thị Mai Chi
Kế toán trưởng




Ông Nguyễn Minh Hải
Phó Tổng Giám Đốc

Ngày 20 tháng 10 năm 2011

